

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/11/2018

“V/v Ly hôn giữa chị M và anh T”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Công.

2. Ông Phạm Văn Hợp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Công Triều – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* ông Trần Trung Chánh – kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Phan Thị Tuyết M**, sinh năm 1989 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2013, ngày 21 tháng 6 năm 2013. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh chị bất đồng quan

điểm trong cuộc sống. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không sửa đổi, mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không có tiến triển tích cực. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 18/5/2014 và Nguyễn Ngọc Gia T, sinh ngày 02/11/2017. Hiện hai con đang sống với chung với chị. Tại phiên tòa hôm nay chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Ngọc T trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh T không tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M; Về án phí: chị M, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục tố tụng:

Chị Phan Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa..., nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: chị M chung sống với anh T từ năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Gò Công, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21 tháng 6 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do anh T không quan tâm chăm sóc, lo lắng cho gia đình. Mâu thuẫn kéo dài từ năm 2014 nhưng đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh vẫn không hàn gắn được. Nay chị M xin ly hôn nhưng anh T không đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị M, điều đó chứng tỏ anh T không

tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh T là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị M yêu cầu được nuôi cả hai con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 18/5/2014 và Nguyễn Ngọc Gia T, sinh ngày 02/11/2017, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con thì thấy chị M làm công ty có thu nhập ổn định và hiện nay các con đang sống với chị và được chị M lo lắng, chăm sóc cho việc ăn học của các cháu. Phía anh T cũng không có ý kiến phản đối. Việc để cháu H, cháu T cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng, phía anh T cũng không thể hiện ý kiến của mình nhưng việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ chung của cha, mẹ nên yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị M là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị M, anh T có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về án phí: chị M, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Tuyết M.

Chị Phan Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2/ Về con chung: Chị Phan Thị Tuyết M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 18/5/2014 và Nguyễn Ngọc Gia T, sinh ngày 02/11/2017;

Anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi một con chung theo quy định là  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ bản do Nhà nước quy định theo từng thời điểm (Hiện nay  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ bản do Nhà nước quy định là 695.000 đồng/con) cho đến khi cháu H, cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Ngọc T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền năn cản.

3/ Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí:

Chị Phan Thị Tuyết M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 42616 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Gò Công;
- Chi cục THA.DS thị xã Gò Công;
- Đương sự;
- UBND xã L, TXGC;
- Lưu hồ sơ, AV;

**Lê Thị Nguyệt Hồng**